

Số: 181/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu phân bổ dự toán thu, chi năm 2020

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 01/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2949/QĐ-BHXH ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy chế Công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Quyết định số 1586/QĐ-BHXH ngày 12 tháng 11 năm 2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 2949/QĐ-BHXH;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ (Mật) về việc giao dự toán thu, chi năm 2020 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-BHXH ngày 11 tháng 2 năm 2019 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Mật) về việc giao dự toán thu, chi năm 2019;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán thu, chi năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc gồm các nội dung:

- Công khai số liệu phân bổ dự toán thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc và dự toán chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2020 cho các đơn vị trực thuộc (Phụ lục I đính kèm).

- Công khai căn cứ, nguyên tắc và định mức phân bổ dự toán thu, chi năm 2019 (Phụ lục II đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ĐVA*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- HDQL BHXH Việt Nam (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Cổng thông tin điện tử BHXH Việt Nam;
- Lưu: VT, KHĐT (3b). *ĐVA*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Đào Việt Ánh

**CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU BHXH, BHYT, BHTN
VÀ DỰ TOÁN CHI BHXH, BHYT, BHTN; CHI PHÍ QUẢN LÝ BHXH, BHYT, BHTN
GIAO CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

Năm 2020

(Kèm theo Quyết định số: M/QĐ-BHXH ngày M tháng 2 năm 2020 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng


TT	BHXH	Dự toán thu BHXH, BHYT, BHTN	Dự toán chi BHXH, BHYT, BHTN; chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN
A	B	1	2
1	TP. Hà Nội	48.379.002	52.317.340
2	TP. Hồ Chí Minh	73.114.399	50.328.051
3	An Giang	3.567.513	3.591.872
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.228.010	4.387.256
5	Bạc Liêu	1.319.787	1.547.883
6	Bắc Giang	6.275.922	4.895.546
7	Bắc Kạn	702.922	861.833
8	Bắc Ninh	9.654.775	4.978.231
9	Bến Tre	2.765.283	2.710.205
10	Bình Dương	25.151.567	10.613.540
11	Bình Định	3.237.751	3.454.108
12	Bình Phước	3.227.481	2.218.644
13	Bình Thuận	2.562.077	2.375.152
14	Cà Mau	2.081.903	2.146.598
15	Cao Bằng	1.169.724	1.538.187
16	Cần Thơ	3.382.906	4.181.157
17	Đà Nẵng	5.748.478	7.070.041
18	Đắk Lắk	3.314.099	3.880.909
19	Đắk Nông	1.041.511	758.665
20	Điện Biên	1.218.934	1.249.482
21	Đồng Nai	23.075.033	12.612.781
22	Đồng Tháp	2.803.359	2.928.526
23	Gia Lai	2.603.906	2.810.961
24	Hà Giang	1.615.608	1.599.673
25	Hà Nam	2.994.776	2.340.806
26	Hà Tĩnh	2.720.828	3.737.532
27	Hải Dương	8.110.153	6.230.768
28	Hải Phòng	10.829.426	9.814.563
29	Hậu Giang	1.551.345	1.177.901
30	Hòa Bình	2.066.680	2.606.825
31	Hung Yên	5.065.160	3.365.380
32	Khánh Hòa	3.962.386	3.900.549
33	Kiên Giang	3.278.298	2.791.079
34	Kom Tum	1.100.596	1.107.591
35	Lai Châu	908.122	705.899
36	Lạng Sơn	1.651.424	2.137.955
37	Lào Cai	1.820.589	1.825.070

38	Lâm Đồng	2.637.590	2.532.543
39	Long An	8.117.539	4.500.336
40	Nam Định	4.738.097	5.179.923
41	Nghệ An	6.852.496	10.411.646
42	Ninh Bình	3.078.395	3.355.070
43	Ninh Thuận	1.135.847	1.300.557
44	Phú Thọ	4.169.016	5.257.152
45	Phú Yên	1.735.850	1.857.434
46	Quảng Bình	1.998.536	2.733.012
47	Quảng Nam	4.558.234	4.155.179
48	Quảng Ngãi	2.980.446	2.577.344
49	Quảng Ninh	5.969.972	7.529.238
50	Quảng Trị	1.498.492	1.882.205
51	Sóc Trăng	2.271.385	2.115.421
52	Sơn La	2.227.575	2.372.290
53	Tây Ninh	4.746.655	2.917.209
54	Thái Bình	4.619.629	5.332.929
55	Thái Nguyên	5.927.571	5.420.580
56	Thanh Hóa	8.782.110	10.896.162
57	Thừa Thiên Huế	3.233.670	4.476.690
58	Tiền Giang	5.138.495	3.758.605
59	Trà Vinh	2.173.697	1.989.590
60	Tuyên Quang	1.604.486	2.382.737
61	Vĩnh Long	2.405.496	2.226.756
62	Vĩnh Phúc	5.064.110	3.801.508
63	Yên Bái	1.694.302	2.392.516
64	Văn phòng	0	308.318
65	Viện khoa học BHXH	0	21.414
66	Trường ĐTNV BHXH	0	82.875
67	Trung tâm CNTT	0	18.096
68	Trung tâm Lưu trữ	0	12.552
69	Tạp chí BHXH	0	602
70	Báo BHXH	0	1.245
71	TT GĐBHYT&TTĐT Bắc	0	17.718
72	TT GĐBHYT&TTĐT Nam	0	7.959
73	Ban QLDA Đầu tư và xây dựng ngành BHXH	0	5.658
74	Trung tâm Truyền thông	0	153.736
75	Ban QL các dự án CNTT	0	4.290
76	BHXH Bộ Quốc phòng	14.570.362	2.768.335
77	BHXH Bộ Công an	9.393.044	1.560.300
78	Bộ LĐTB&XH	0	0
79	BHXH Việt Nam	0	553.237

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

PHỤ LỤC II

CÔNG KHAI CĂN CỨ, NGUYÊN TẮC, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số ~~181~~ /QĐ-BHXH ngày ~~11~~ tháng 02 năm 2020 của
Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam) 

I. Căn cứ, cơ sở phân bổ dự toán thu, chi năm 2020

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Bộ Chính trị về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội (BHXH);
- Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/8/2018 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH;
- Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Bộ Chính trị;
- Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT;
- Thông tư số 20/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế tài chính về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT;
- Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT;
- Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/05/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;
- Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/05/2019 của Chính phủ quy định về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng;
- Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2020
- Quyết định số 1127/QĐ-BHXH ngày 07/7/2017 của BHXH Việt Nam về ban hành quy định về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT đối với các đơn vị thuộc hệ thống BHXH Việt Nam;
- Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;
- Quyết định số 1704/QĐ-TTg ngày 29/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

- Tờ trình Thủ tướng Chính phủ số 1629/TTr-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính (Mật) về việc giao dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2020;

- Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ (Mật) về việc giao dự toán thu, chi BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2020;

- Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2020;

II. Nguyên tắc, định mức phân bổ dự toán thu, chi năm 2020

1. Dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT năm 2020

Dự toán thu BHXH, BHTN, BHYT năm 2020 giao cho BHXH các tỉnh, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Bộ Công an trên cơ sở số đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT; tiền lương bình quân; tỷ lệ đóng BHXH, BHTN, BHYT và các khoản ghi thu, cụ thể:

- Về đối tượng tham gia: căn cứ vào dân số, số lao động trên địa bàn, số lao động và dân số đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT và khả năng phát triển đối tượng tham gia. Hoàn thành kết quả cao nhất về mở rộng đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT theo Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/05/2018 của Bộ Chính trị về cải cách chính sách BHXH, Quyết định số 1167/QĐ-TTg ngày 28/06/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Về tiền lương:

+ Lương cơ sở: tính tăng theo quy định tại Nghị định số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc hội từ ngày 01/07/2020 là 1,6 triệu đồng. Riêng đối với người tham gia được ngân sách hỗ trợ một phần mức đóng, người tham gia BHYT hộ gia đình áp dụng mức lương cơ sở là 1,49 triệu đồng.

+ Lương tối thiểu vùng: tính lương tối thiểu vùng tăng 5% so với lương tối thiểu vùng năm 2019 theo quy định tại Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ.

- Tỷ lệ đóng BHXH, BHTN, BHYT: theo quy định tại Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội và Nghị định 44/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ.

- Các khoản ghi thu: gồm số tiền đóng BHYT của đối tượng do tổ chức BHXH đóng hằng tháng theo quy định và kinh phí ngân Trung ương hỗ trợ đóng BHYT cho học sinh, sinh viên đang theo học tại các trường do Bộ, cơ quan Trung ương quản lý.

2. Dự toán chi BHXH, BHTN từ nguồn quỹ; chi hoạt động BHXH, BHTN, BHYT năm 2020

2.1. Dự toán chi BHXH, BHTN từ nguồn quỹ năm 2020

Dự toán chi BHXH, BHTN năm 2020 giao cho BHXH các tỉnh trên cơ sở số người hưởng và mức chi bình quân, cụ thể:

- Số người hưởng: tính trên cơ sở số người bình quân hưởng năm 2019 và tốc độ tăng, giảm hàng năm của từng tỉnh.

- Mức chi bình quân: xác định trên cơ sở mức chi bình quân của năm 2019 tính riêng cho từng loại đối tượng.

- Mức chi và số chi: Tính đủ 12 tháng thực hiện mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 44/2019/NĐ-CP ngày 20/05/2019, mức lương cơ sở theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/05/2019 của Chính phủ (1,49 triệu đồng/tháng) và tăng 7,38% của 6 tháng cuối năm theo Nghị quyết 86/2019/QH14 của Quốc hội.

2.2. Dự toán chi hoạt động BHXH, BHTN, BHYT năm 2020

Dự toán chi hoạt động BHXH, BHTN, BHYT năm 2020 giao cho các đơn vị trên cơ sở dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 22/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ và phân bổ theo nguyên tắc sau:

- Căn cứ vào biên chế kế hoạch được Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam giao với mức lương cơ sở 6 tháng đầu năm là 1,49 triệu đồng và 6 tháng cuối năm là 1,6 triệu đồng theo Khoản 7 Điều 3 Nghị quyết 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc hội;

- Căn cứ vào nhiệm vụ, khối lượng công việc và tính chất phức tạp của các hoạt động nghiệp vụ quản lý của từng đơn vị trong năm 2020 đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ;

- Căn cứ vào quy định của Ngành về tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT đối với các đơn vị trong hệ thống BHXH Việt Nam.

3. Dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT năm 2020

Dự toán chi KCB năm 2020 giao cho các tỉnh, thành phố được xây dựng căn cứ số chi KCB đã thực hiện các năm trước và dự toán năm 2019 được Thủ tướng Chính phủ giao, có tính toán đầy đủ các yếu tố tăng, giảm, cụ thể như sau:

a) Các yếu tố tăng

- Tăng chi chăm sóc sức khỏe ban đầu;
- Tăng thẻ BHYT;
- Tăng do điều chỉnh lương cơ sở tác động đến đối tượng hưởng;
- Tăng giá dịch vụ kỹ thuật do kết cấu tiền lương cơ sở tăng để tính giá;
- Tăng do chi thuốc kháng HIV tăng so với năm 2019.

b) Các yếu tố giảm

Dự kiến một số nguyên nhân như tiết kiệm được do thực hiện đàm phán giá thuốc, đấu thầu tập trung quốc gia. Tuy nhiên, những yếu tố này đã tính trong ước thực hiện năm 2019 nên không tính riêng thêm các yếu tố giảm.

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM